

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 18-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Minh

Bà Hoàng Thị Hà Khuyên

- Thư ký pH tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia pH tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 03/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 10/TB-TA ngày 04 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

Lê Văn T sinh ngày 05 tháng 3 năm 1972, tại Hải Phòng. Nơi ĐHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Lưu Thị T; có vợ Phạm Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trần Thị H sinh ngày 29 tháng 7 năm 1975, tại Hải Phòng. Nơi ĐHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Vũ Thị N; có chồng Nguyễn Văn Q và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Nguyễn Thị Hải Y sinh ngày 23 tháng 4 năm 1985, tại Hải Phòng. Nơi ĐHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N và bà Dương Thị Minh

C; có chồng Nguyễn Văn C và có 04 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trương Thị D sinh ngày 15/8/1991, tại Hải Phòng. Nơi ĐHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công T và bà Nguyễn Thị T; có chồng Nguyễn Mạnh C và có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/01/2021 Công an huyện An Dương nhận được đơn tố cáo về việc trên địa bàn huyện An Dương xuất hiện nhóm đối tượng gồm: Lê Văn T, sinh năm 1972, ở Xóm B, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1985, ở thôn B, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Trương Thị D, sinh năm 1991, ở thôn B, xã T, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cùng một số đối tượng có hành vi mua bán trái phép hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) làm ảnh hưởng đến môi trường hoạt động kinh doanh trên địa bàn huyện An Dương.

Công an huyện An Dương tiến hành triệu tập, lấy lời khai Lê Văn T. Trong quá trình làm việc, T đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra: 01 hộp mực dấu màu đỏ; 01 dấu tròn của Công ty xuất nhập khẩu Thái Hà, 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi; 09 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà (bao gồm quyển số 26 và quyển số 31 đến quyển số 40) và một số tài liệu khác có liên quan. Đối với quyển hóa đơn số 27, 28, 29, 30 T đã làm mất nên không giao nộp được cho cơ quan điều tra.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T, cơ quan điều tra đã thu giữ: 06 tờ giấy rút tiền mặt tại ngân hàng BIDV đã ký, ghi họ tên tại mục Kế toán trưởng; ký, đóng dấu chức danh giám đốc, dấu tròn của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát triển xây dựng Vận tải Tân Hồng Phát, chưa ghi nội D; 02 giấy giới thiệu/giấy ủy quyền có nội D đánh máy, chưa ghi nội D các chỗ trống, đã ký, đóng dấu chức danh giám đốc, dấu tròn của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát triển xây dựng Vận tải Tân Hồng Phát tại mục người đại diện pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền; 02 tờ liên 1,2 ủy nhiệm chi tại Ngân hàng Techcombank của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Giải pháp công nghệ AT Việt Nam, bên dưới có chữ ký, ghi họ tên ở mục kế toán trưởng; ký, đóng dấu chức danh giám đốc, đóng dấu tròn của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Giải pháp công nghệ AT Việt Nam tại mục chủ TK/người đại diện của chủ TK. Ngày 29/01/2021, T đã giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Dương 08 quyển hóa đơn GTGT của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà còn đủ 03 liên chưa ghi nội D từ quyển số 18 đến quyển số 25.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương tiến hành lấy lời khai của Nguyễn Thị Hải Y. Trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra Nguyễn Thị Hải Y đã giao nộp những đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng gồm: 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu SAM SUNG màu đen, 01 Case máy vi tính, 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu vàng, 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu đen, 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu xanh. Cùng một số giấy tờ, tài liệu khác phục vụ cho hoạt động của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Dương tiến hành triệu tập và làm việc với Trần Thị H - người trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng. H đã giao nộp những đồ vật tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty gồm: 01 dấu tròn của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng, 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T và 09 quyền hóa đơn GTGT, tài liệu có liên quan đến hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng.

Ngày 11/01/2021, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại vật tư Duy Thành đã giao nộp cho cơ quan điều tra công an huyện An Dương 42 tờ hóa đơn liên 2 GTGT của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà đã xuất bán cho công ty.

Trong khoảng thời gian từ 15/01 đến 11/4/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn 27/7 Xuân Bắc; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn máy tính Việt Nhật; Trường Trung học cơ sở Tân Tiến; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà đã giao nộp cho cơ quan điều tra tổng số 39 tờ hóa đơn GTGT liên 2. Đây là những hóa đơn GTGT mà Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng đã xuất bán cho các công ty trên.

Tại kết luận giám định số 11/KLGD-PC09 ngày 26/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết từ mục “Ngày...tháng...năm” đến mục “Số tiền viết bằng chữ” trên 16 tờ hóa đơn GTGT liên 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà xuất bán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại vật tư Duy Thành so sánh với chữ viết của Nguyễn Thị Hải Y là do cùng một người viết ra; Chữ ký mang tên Giám đốc Phạm Thị Mùi tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 16 tờ hóa đơn GTGT liên 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà xuất bán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại vật tư Duy Thành so sánh với chữ ký của Trương Thị D tại bản lấy mẫu chữ ký lập ngày 19/01/2021 không đủ cơ sở kết luận có do cùng một người ký; Chữ viết từ mục “Ngày...tháng...năm” đến mục “Số tiền viết bằng chữ” trên 03 tờ hóa đơn GTGT liên 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Minh T Thắng xuất bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và vận tải Quý Hưng so sánh với chữ viết của Trần Thị H là do cùng một người viết ra; Chữ viết từ mục “Ngày...tháng...năm” đến mục “Số

tiền viết bằng chữ” trên 13 tờ hóa đơn GTGT liên 2 so sánh với chữ viết của Trần Thị H là do không cùng một người viết ra; Chữ ký mang tên Giám đốc Nguyễn Duy T tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên 16 tờ hóa đơn GTGT liên 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng xuất bán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và vận tải Quý Hưng và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn 27/7 Xuân Bắc không đủ cơ sở kết luận có do cùng một người ký hay không.

Tại kết luận giám định số 123/KLGD - PC09 ngày 16/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết từ mục “Ngày...tháng...năm” đến mục “Số tiền viết bằng chữ” trên 02 tờ hóa đơn GTGT liên 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát triển xây dựng vật tư Tân Hồng Phát xuất bán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và vận tải Quý Hưng so sánh với chữ viết của Nguyễn Thị Hải Y là do cùng một người viết ra.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh và lập biên bản phong tỏa số dư tài khoản của: Công ty Thái Hà có số tài khoản 02101010119567 mở tại Ngân hàng MSB - Chi nhánh Hồng Bàng có số dư là 5.832.822 đồng; số tài khoản 32110001019567 tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hải Phòng có số dư là 4.491.485 đồng; số tài khoản 8282018 tại Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Lạch Tray, số dư là 750.485 đồng. Công ty Minh T Thắng: Số tài khoản tài khoản 117002780830 tại Ngân hàng Viettinbank - chi nhánh Hải Phòng có số dư là 914.519 đồng, số tài khoản 32110001090632 tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hải Phòng có số dư là 779.175 đồng. Công ty Tân Hồng Phát: Số tài khoản 32110001055808 tại ngân hàng BIDV - chi nhánh Hải Phòng số dư là 1.037.563 đồng.

Tại cơ quan điều tra công an huyện An Dương, Lê Văn T, Nguyễn Thị Hải Y, Trương Thị D, Trần Thị H khai nhận: Vào khoảng tháng 10/2019 thông qua trang mạng xã hội trên facebook, Lê Văn T đã mua lại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà, địa chỉ: Thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng của một người phụ nữ không quen biết với giá là 180.000.000 đồng với mục đích để mua bán trái phép hóa đơn. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Thái Hà là giám đốc Phạm Thị M. T không quen biết Phạm Thị M, cũng chưa đến trụ sở của Công ty Thái Hà. Sau khi mua xong, T được người phụ nữ trên bàn giao dấu tròn của Công ty Thái Hà, dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 USB chữ ký số sử dụng để kê khai thuế, 40 quyển hóa đơn GTGT còn mới đủ 03 liên được đánh số từ quyển 01 đến quyển 40 và một số mẫu giấy rút tiền mở tại Ngân hàng BIDV. Sau đó, T gặp và thuê Nguyễn Thị Hải Y làm kế toán. Nhiệm vụ chính của Y là viết tất cả nội D trên các tờ hóa đơn GTGT mà Công ty Thái Hà xuất bán cho khách. Đồng thời để hợp thức hóa các giao dịch chuyển tiền của khách mua hóa đơn T đã nhờ Trương Thị D là người rút tiền của khách chuyển vào tài khoản của Công ty Thái Hà rồi đưa lại cho T. Y và D biết T bán trái phép hóa đơn nhưng vẫn đồng ý làm giúp T.

Từ khi mua Công ty Thái Hà đến khi bị lực lượng công an phát hiện T đã bán không được 17 quyển hóa đơn GTGT được đánh số từ quyển số 01 đến quyển 17 tương ứng với 850 tờ hóa đơn. Trước khi xuất bán hóa đơn cho khách T đã trực tiếp

chỉ đạo Trương Thị D ký không tên giám đốc Phạm Thị Mùi vào mục “thủ trưởng đơn vị” tại tất cả các tờ trên liên 2 của 17 quyền hóa đơn trên tương ứng với 850 tờ. D đã ký tên Mùi vào tất cả các tờ hóa đơn rồi đưa lại cho T, T đóng dấu tròn của Công ty Thái Hà vào chữ ký Mùi mà D đã ký. Sau đó, T đưa và yêu cầu Y viết nội D tại các mục “ngày ... tháng... năm....” đến mục “số tiền bằng chữ” trên 350 tờ hóa đơn (tương ứng từ quyền số 01 đến quyền số 07). Y viết nội D của 350 tờ hóa đơn và chuyển lại cho T để T giao lại cho khách thông qua một số người môi giới như: Người phụ nữ tên Nhung ở Hải Phòng, người phụ nữ tên H ở tỉnh Bắc Ninh và một số người khác T không nhớ rõ tên tuổi, địa chỉ. Từ quyền hóa đơn số 08 đến quyền hóa đơn số 17 tương ứng với 500 tờ hóa đơn, sau khi T chỉ đạo D ký không tên giám đốc tại liên 2 các tờ hóa đơn, T đã đưa cho H, ở Bắc Ninh để H tự viết nội D và xuất bán cho khách. Khi H bán hết quyền hóa đơn nào thì trả lại cho T quyền hóa đơn đó gồm liên 1 và liên 3 rồi đổi lấy quyền hóa đơn khác để T cộng tổng số tiền hàng hóa bán ra chưa thuế GTGT ghi trên hóa đơn để tính số tiền H phải trả cho T. Những quyền hóa đơn T nhận lại từ H, T đã đốt đi nên không thu hồi được. Tổng cộng H đã môi giới bán hộ T được khoảng 523 tờ hóa đơn GTGT. Còn quyền hóa đơn số 17 người phụ nữ tên H ở Bắc Ninh vẫn giữ. Đối với 23 quyền hóa đơn còn lại của Công ty Thái Hà, T đã giao nộp cho cơ quan điều tra công an huyện An Dương. Theo sự chỉ đạo của T thì ngoài việc viết nội D hóa đơn, Y còn có nhiệm vụ kê khai thuế hàng quý, mở thêm hai tài khoản cho công ty tại Ngân hàng MSB - chi nhánh Hồng Bàng; Ngân hàng ACB - Phòng giao dịch Lạch Tray để hợp thức hóa việc chuyển tiền cho khách mua hóa đơn. Y đã 04 lần đi rút tiền của khách mua hóa đơn chuyển vào các tài khoản trên đưa lại cho T để T trả lại khách. Quá trình làm thuê cho T từ tháng 10/2019 đến ngày bị công an phát hiện T đã trả cho Y 20 triệu tiền lương. Đối với Trương Thị D đã ký không vào 850 tờ hóa đơn trên dưới sự chỉ đạo của T, thực hiện 156 lần giao dịch rút tiền tại các tài khoản của Công ty Thái Hà về đưa lại cho T để T trả lại cho khách, 06 lần nộp tiền vào tài khoản tại Ngân hàng MSB chi nhánh Hồng Bàng của Công ty Thái Hà. D còn một số lần rút tiền từ Công ty Minh T Thắng và Công ty Tân Hồng Phát do T môi giới bán hóa đơn. Tổng số tiền T đã cho D là 10.000.000 đồng. Trong số 850 tờ hóa đơn GTGT mà T đã bán không cho khách thông qua môi giới từ quý 3/2019 đến quý 3/2020 thì T đã kê khai thuế và hưởng lợi trên 285 tờ hóa đơn, viết hỏng và hủy 50 tờ tương ứng với các số hóa đơn từ quyền hóa đơn số 01 đến quyền hóa đơn số 07 của Công ty Thái Hà. Đối với 285 tờ hóa đơn không bán ra T đã chỉ đạo ghi không số tiền là 68.311.405.475 đồng chưa thuế GTGT với giá bán là 1,1% giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn. T đã thu được 751.425.460 đồng và chi phí cho Công ty Thái Hà cụ thể như sau: Tổng tiền thuế nộp ngân sách nhà nước 101.890.317 đồng, trong đó tiền thuế GTGT là 66.390.317 đồng, tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 26.500.000 đồng; tiền lệ phí môn bài 9.000.000 đồng; tiền mua Công ty Thái Hà 180.000.000 đồng; tiền mua thiết bị văn phòng gồm bộ bàn ghế và bộ máy vi tính 40.000.000 đồng; tiền trả lương cho Y 20.000.000 đồng; cho D 10.000.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn của Công ty Thái Hà là 399.535.143 đồng đã sử dụng, chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài điều hành hoạt động mua bán hóa đơn GTGT không của Công ty Thái Hà, T còn môi giới bán hóa đơn cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Phát triển xây dựng Vận tải Tân Hồng Phát. Cụ thể: Đối với Công ty Minh T Thắng do Trần Thị H trực tiếp điều hành. Thông qua người phụ nữ tên Nhung, T đã bán được 03 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Minh T Thắng cho Công ty Quý Hưng ghi không số tiền là 178.900.000 đồng chưa thuế GTGT với giá bán là 1,3% của tổng số tiền chưa tính thuế ghi trên hóa đơn, T trả cho H số tiền là 1,1%, còn lại T được hưởng 0,2% số tiền trên. Do vậy, trong quá trình bán hóa đơn cho Công ty Minh T Thắng, T đã hưởng lợi là 357.800 đồng.

Ngoài ra, T còn liên lạc với Ngô Thị D, sinh năm 1968, ở thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng để bán hóa đơn GTGT cho Công ty Tân Hồng Phát do Bùi Thị H, sinh năm 1985, ở thôn B, xã A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng làm giám đốc. Khi có khách cần sử dụng hóa đơn của Công ty Tân Hồng Phát, T liên lạc với D và được D đưa 01 quyển hóa đơn GTGT tương ứng với 50 tờ hóa đơn có ký, đóng dấu sẵn giám đốc công ty tại mục thủ trưởng đơn vị trên liên 2 các tờ hóa đơn để T tùy ý viết nội dung. Sau khi nhận 01 quyển hóa đơn trên từ D, T chỉ đạo Y viết nội dung của 02 tờ hóa đơn để T xuất bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng vận tải Quý Hưng thông qua người phụ nữ tên Nhung, ghi không số tiền là 189.580.000 đồng chưa thuế GTGT với giá bán là 1,3% của tổng số tiền hàng thanh toán chưa tính thuế ghi trên hóa đơn. Trong đó, T trả cho D 1,1%, T được hưởng 0,2% số tiền trên. Tổng số tiền T được hưởng trong quá trình môi giới bán hóa đơn cho Công ty Tân Hồng Phát là 379.160 đồng.

Đối với Trần Thị H: Khoảng tháng 6/2019, H có thuê một đối tượng tên Chung - làm nghề xe ôm ở khu vực Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại và dịch vụ Minh T Thắng có trụ sở tại thôn Đằng Hải, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, người đại diện theo pháp luật là giám đốc Nguyễn Duy T. Sau khi thành lập công ty, Chung bàn giao cho H cùng T bộ giấy tờ có liên quan gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, dấu tròn công ty, dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T, 10 quyển hóa đơn chưa viết nội D, 01 USB chữ ký số để phục vụ việc kê khai thuế, một số tờ giấy mẫu rút tiền tại Ngân hàng Vietinbank và ngân hàng BIDV, giấy giới thiệu của công ty. Trong đó, một số tờ giấy rút tiền, giấy giới thiệu và các tờ hóa đơn liên 2 của quyển hóa đơn GTGT số 01 đã được ký sẵn tại mục thủ trưởng đơn vị, đóng dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T và dấu tròn Công ty Minh T Thắng. H không biết Nguyễn Duy T và chưa đến trụ sở Công ty. Chung thỏa thuận cứ viết hết quyển hóa đơn số 01 thì sẽ ký không tên giám đốc tiếp để H viết nội D. Để điều hành hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Minh T Thắng, H đã thuê Nguyễn Thị Hải Y làm kế toán với nhiệm vụ kê khai thuế hàng quý cho công ty. Trong quá trình làm thuê cho H, Y được H trả tổng số tiền lương là 3.000.000 đồng.

H không trực tiếp bán hóa đơn cho khách mà thông qua những người môi giới như Lê Văn T, người phụ nữ tên Ba, người đàn ông tên T và một số người khác H

không nhớ rõ tên tuổi, địa chỉ. Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty Minh T Thắng, H đã bán được 73 tờ hóa đơn GTGT. Tất cả các tờ hóa đơn trên do H là người trực tiếp viết nội D hoặc H nhờ môi giới viết nội D theo yêu cầu của khách. H đưa cho khách giấy giới thiệu, séc rút tiền từ ngân hàng đã ký và đóng dấu của công ty để sau khi khách mua hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản công ty Minh T Thắng thì tự rút tiền lại theo đã thỏa thuận với H từ trước. H đã đốt quyển hóa đơn số 01 sau khi đã bán và nhận được tiền của khách. Hàng quý, theo sự chỉ đạo của H, Y đã 05 lần đi kê khai thuế cho Công ty Minh T Thắng. Tổng số 73 tờ hóa đơn có ghi nội D của Công ty Minh T Thắng mà H đã bán trong đó đã kê khai thuế và hưởng lợi trên 48 tờ hóa đơn, kê khai hồng, hủy 02 tờ ghi không số tiền là 8.633.000.000 đồng chưa tính thuế. H được hưởng lợi tương ứng với số tiền 1,1% của số tiền cụ thể là 94.963.000 đồng. Đối với 23 số hóa đơn còn lại (tương ứng từ số 0000051 đến 0000073) H đã bán cho khách nhưng chưa kê khai nên khách chưa trả tiền. Do vậy, trong quá trình mua bán hóa đơn H đã thu được 94.963.000 đồng. Sau khi trừ đi các khoản chi phí, cụ thể như: Chi thành lập công ty Minh T Thắng hết 42.000.000 đồng cho người đàn ông tên Chung; mua hóa đơn đầu vào là 3.000.000 đồng; trả lương Y tổng số tiền là 3.000.000 đồng; nộp vào ngân sách nhà nước các khoản tiền thuế, tiền phạt là 17.749.685 đồng, số tiền thực tế H đã chi là 65.749.685 đồng. H đã thu lợi được 29.213.315 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu SAM SUNG màu đen; 01 Case máy vi tính nhãn hiệu FULLER màu đen; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu vàng, có nhãn hiệu NEWCA, số hiệu L11807181373; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu đen; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu xanh; 01 dấu tròn của Công ty Minh T Thắng; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T; 01 dấu tròn của Công ty Thái Hà; 01 hộp mực dấu; 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương quản lý. Tài liệu là các tờ hóa đơn, chứng từ đưa vào hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày: Thống nhất về hành vi như đã nêu trên, đồng ý với nội dung các Kết luận giám định, không có ý kiến hay khiếu nại gì. Các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, đề nghị Tòa án xem xét.

Cáo trạng số 76/2021/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố Lê Văn T, Nguyễn Thị Hải Y, Trần Thị H và Trương Thị D về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (BLHS) xử phạt Lê Văn T từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt Trần Thị H từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt Nguyễn Thị Hải Y từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt Trương Thị D từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 01 màn hình máy

vi tính nhãn hiệu SAM SUNG màu đen; 01 Case máy vi tính nhãn hiệu FULLER màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn của Công ty Minh T Thắng; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T; 01 dấu tròn của Công ty Thái Hà; 01 hộp mực dấu; 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu vàng có nhãn hiệu NEWCA, số hiệu L11807181373; 01 Token vỏ màu đen; 01 Token vỏ màu xanh. Tiếp tục duy trì các Lệnh phong tỏa tài khoản số 01, 02, 03 và 04 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương để bảo đảm thi hành án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện; mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật và giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại pH tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Với mục đích mua bán trái phép hóa đơn GTGT để kiếm lời. Tháng 10/2019 thông qua trang mạng xã hội trên facebook, Lê Văn T đã mua lại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu Thái Hà. Từ khi mua Công ty Thái Hà đến khi bị phát hiện, Lê Văn T đã mua không 850 tờ hóa đơn GTGT đã ghi nội D, trong đó T đã kê khai thuế và hưởng lợi 285 tờ hóa đơn tương ứng với số tiền ghi không là 68.311.405.475 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, thu lợi bất chính số tiền 399.535.143 đồng. T môi giới bán 03 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty Minh T Thắng ghi không số tiền là 178.900.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, thu lợi bất chính số tiền 357.800 đồng, T bán 02 tờ hóa đơn GTGT cho công ty Tân Hồng Phát ghi không số tiền là 189.580.160 đồng chưa bao gồm thuế GTGT, thu lợi bất chính số tiền 379.160 đồng. Tổng thu lợi bất chính của T từ ba công ty trên là 400.272.103 đồng. Trần Thị H trực tiếp điều hành Công ty Minh T Thắng đã bán trái phép 73 tờ hóa đơn có ghi nội D trong đó H đã kê khai thuế 48 tờ hóa đơn ghi không số tiền là 8.633.000.000 đồng thu lợi số tiền 94.963.000 đồng. Tổng số tiền H thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT là 29.213.315 đồng. Nguyễn Thị Hải Y giúp T mở tài khoản, rút tiền cho Công ty Thái Hà, viết nội D trên tất cả các tờ hóa đơn từ quyển số hóa đơn số 01 và quyển hóa đơn số 07 (tương ứng với 350 tờ hóa đơn) mà Công ty Thái Hà bán ra cho khách. Trương Thị D là người ký chữ ký của giám đốc “Mùi” vào phần thủ trưởng đơn vị trên các tờ hóa đơn GTGT của Công ty Thái Hà xuất bán cho khách từ quyển số 01 đến quyển hóa đơn số 17 tương ứng với 850 tờ

hóa đơn đồng thời là người rút tiền của khách mua hóa đơn chuyển lại cho T để hợp thức hóa giao dịch của khách hàng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại Điều 203 của BLHS. Với số lượng hóa đơn, chứng từ mua bán trái phép và số tiền có được từ thu lợi bất chính như đã xác định ở trên; bị cáo Lê Văn T đã vi phạm các điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 203 của BLHS với tình tiết định khung là "Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội D từ 30 số trở lên" và "Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên"; các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Trần Thị H, Trương Thị D đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 203 của BLHS với tình tiết định khung là "Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội D từ 30 số trở lên". Các chứng cứ xác định các bị cáo không có tội được loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn nộp ngân sách, dẫn đến gây thiệt hại nguồn thu của ngân sách nhà nước. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Y có mẹ đẻ là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt: Vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[4.1] Bị cáo Lê Văn T: Là người trực tiếp chỉ đạo và cùng với công ty của Trần Thị H thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn; số lượng hóa đơn bán ra nhiều nhất và thu lợi lớn nhất; thuê bị cáo Y và D giúp sức nên có vai trò cao nhất và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

[4.2] Bị cáo Trần Thị H là người trực tiếp điều hành Công ty Minh T Thắng, trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn cho bị cáo T; bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Trương Thị D tích cực làm theo sự chỉ đạo, phân công của Lê Văn T, được T trả công. Vì vậy vai trò giúp sức của H, Y và D là ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt bằng nhau.

[4.3] Tại pH tòa, các bị cáo nhận thức rõ được tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; ăn năn hối cải và mong muốn được áp dụng hình phạt tiền và khẳng định có điều kiện về tài chính để nộp. Các bị cáo đã chứng minh khả năng tài chính bằng việc nộp T bộ số tiền thu lợi bất chính tại Cơ quan thi hành án. Do vậy không cần thiết phải bắt cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đảm bảo tính nghiêm khắc, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Xử phạt mỗi bị cáo mức phạt tiền bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 203 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy các bị cáo là lao động tự do nên không áp dụng.

[6] Đối với số tiền thu lợi bất chính: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, các bị cáo đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (Bị cáo T nộp tại Biên lai số 0002559 ngày 28/02/2022, bị cáo H nộp tại Biên lai số 0002558 ngày 28/02/2022, bị cáo D nộp tại Biên lai số 0002554 ngày 28/02/2022, bị cáo Y nộp tại Biên lai số 0002555 ngày 28/02/2022 nên không buộc các bị cáo phải nộp lại.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

[7.1] Vật chứng là: 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu SAM SUNG màu đen; 01 Case máy vi tính nhãn hiệu FULLER màu đen cần tịch thu sung quỹ Nhà nước;

[7.2] Vật chứng là: 01 dấu tròn của Công ty Minh T Thắng; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T; 01 dấu tròn của Công ty Thái Hà; 01 hộp mực dấu; 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu vàng có nhãn hiệu NEWCA, số hiệu L11807181373; 01 Token vỏ màu đen; 01 Token vỏ màu xanh cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với số tiền có trong tài khoản Ngân hàng đang bị phong tỏa: Do các bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, nên các bị cáo được trả lại số tiền có trong tài khoản bị phong tỏa. Nhưng các bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tiền và nghĩa vụ về án phí nên cần tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01, số 02, số 03 và số 04 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương để tạm giữ bảo đảm thi hành án.

[9] Về những vấn đề khác trong vụ án này:

[9.1] Ngô Thị D cùng với Bùi Thị Hiền thành lập Công ty Phát triển Xây dựng Vận tải Tân Hồng Phát với mục đích mua bán hóa đơn GTGT. D không biết Hiền điều hành hoạt động công ty như thế nào. Tháng 12/2020, Hiền cầm đến nhà D 17 quyển hóa đơn và bảo công ty ngừng hoạt động. Sau đó, Hiền và D đốt hết số hóa đơn trên bàn giao lại cho D 01 đăng ký kinh doanh, thông báo của cơ quan quản lý thuế, điều lệ công ty. D đã giao nộp cho cơ quan điều tra tất cả tài liệu trên. Hiện tại Hiền, D vắng mặt, không rõ nơi cư trú; địa chỉ của công ty qua xác minh tại địa phương không tồn tại. Do Công an huyện An Dương chưa xác minh được số lượng hóa đơn bán ra của công ty, thu lợi bất chính của Hiền và D là bao nhiêu nên tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[9.2] Ngô Xuân Chon là người giới thiệu cho T người phụ nữ tên H ở Bắc Ninh để T bán hóa đơn của Công ty Thái Hà. Sau khi được Chon giới thiệu T bắt đầu bán cho H từ quyển hóa đơn số 05 đến hết quyển hóa đơn số 07 với tổng số hóa đơn là khoảng 07 - 08 tờ, T không nhớ cụ thể số hóa đơn nào. T đã kê khai số hóa đơn đó tại kỳ kê khai thuế quý 3/2020 cho Công ty Thái Hà. Hiện tại, Chon vắng mặt tại địa phương chưa đủ căn cứ kết luận nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Dương sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[9.3] Nguyễn Thị T là người chung sống với T như vợ chồng, một số lần T được T nhờ đi rút tiền tại ngân hàng của khách mua hóa đơn của Công ty Thái Hà nhưng không biết số tiền trong tài khoản công ty là tiền gì, bản thân T không biết T bán trái phép hóa đơn của Công ty Thái Hà vì vậy cơ quan điều tra công an huyện An Dương không xử lý T là phù hợp pháp luật.

[9.4] Phạm Thị M là người đứng tên giám đốc của Công ty Thái Hà và Nguyễn Duy T đứng tên giám đốc của Công ty Minh T Thắng, tài liệu điều tra xác định không tham gia điều hành, chỉ đạo hoạt động công ty nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp pháp luật.

[9.5] Người phụ nữ bán Công ty Thái Hà cho T, người đàn ông tên Chung thành lập Công ty Minh T Thắng cho H và một số người có vai trò trung gian môi giới cho hoạt động mua bán hóa đơn của các công ty trên như: Người phụ nữ tên H, tên Nhung, tên Ba, người đàn ông tên T hiện chưa rõ nhân thân lai lịch cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[9.6] Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Dương đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở của Công ty Thái Hà, Công ty Minh T Thắng xác định tại địa chỉ trên không treo biển hiệu công ty, chủ nhà khẳng định không cho phép các công ty trên hoạt động và đặt văn phòng tại địa chỉ nêu trên nên không có căn cứ xử lý là phù hợp pháp luật.

[9.7] Đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TuY Lộc; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Công nghệ Yu Fu Cheng; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Vật tư Duy Thành, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và vận tải Quý Hưng; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn 27/7 Xuân Bắc; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xây dựng và dịch vụ Hiếu Thảo, Trường Trung học cơ sở Tân Tiến... sử dụng hóa đơn của Công ty Thái Hà, Công ty Minh T Thắng tuy nhiên tài liệu điều tra chưa đủ cơ sở kết luận, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[9.8] Về biện pháp ngăn chặn: Do Tòa án áp dụng hình phạt tiền nên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đã áp dụng đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Văn T 250.000.000 (Hai trăm lăm mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Thị H 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Thị Hải Y 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trương Thị D 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hải Y và Trương Thị D.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 01 màn hình máy vi tính nhãn hiệu SAM SUNG màu đen; 01 Case máy vi tính nhãn hiệu FULLER màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn của Công ty Minh T Thắng; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Duy T; 01 dấu tròn của Công ty Thái Hà; 01 hộp mực dấu; 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị Mùi; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu vàng có nhãn hiệu NEWCA, số hiệu L11807181373; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu đen; 01 Token (chữ ký số công cộng) vỏ màu xanh (Chi tiết vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về biện pháp cưỡng chế: Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương đối với số tiền 750.485 đồng trong tài khoản số 8282018 của Công ty Thái Hà mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu - Phòng giao dịch Lạch Tray; Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương đối với số tiền 914.519 đồng trong tài khoản số 117002780830 của Công ty Thái Hà mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng; Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 03 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương đối với số tiền 1.037.563 đồng trong tài khoản số 32110001055808 của Công ty Tân Hồng Phát mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; đối với số tiền 4.491.485 đồng trong tài khoản số 32110001019567 của Công ty Thái Hà mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; đối với số tiền 779.175 đồng trong tài khoản số 32110001090632 của Công ty Minh T Thắng mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 04 ngày 03/02/2021 của Công an huyện An Dương đối với số tiền 5.832.822 đồng trong tài khoản số 02101010119567 của Công ty Thái Hà mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hồng Bàng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hải Y và Trương Thị D; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an h. An Dương;
- Cơ quan THAHSCA huyện An Dương;
- Trại tạm giam công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV 06 và PC 10 công an thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

Đỗ Văn Dũng